

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	01
2. Báo cáo của Giám đốc	02 – 04
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	07 – 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 – 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	14 – 35



BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và xây lắp Dầu Khí Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp Dầu Khí Sài Gòn là Công ty cổ phần được đổi tên từ Công ty cổ phần Xây lắp Dầu Khí Miền Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305858385 ngày 28 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy phép điều chỉnh, trong đó điều chỉnh thay đổi gần nhất lần thứ 06 ngày 14 tháng 01 năm 2010.

Vốn điều lệ	350.000.000.000 VND		
Cổ đông		Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam		87.125.000.000	24,89%
Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí - IDICO Long Sơn		28.500.000.000	8,14%
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí		2.971.000.000	0,85%
Các cổ đông khác		231.404.000.000	66,12%
Cộng		350.000.000.000	100,00%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 39 301 980
Fax : (84-8) 39 301 982
E-mail : info@pvcsq.com.vn
Mã số thuế : 0305858385

Hoạt động chính của Công ty

- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); Khảo sát trắc địa công trình; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán); Hoạt động trang trí nội thất; Hoạt động đo đạc bản đồ; Tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Hoạt động chuyên môn, khoa học, công nghệ khác; Tư vấn về môi trường;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty tiếp tục bị lỗ 32.444.618.609 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 672.534.280.914 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 369.348.779.339 VND. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty rất lớn.

Tuy nhiên, Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng khả năng thanh toán sẽ được cải thiện do Giám đốc đang dự kiến trình Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông về việc tăng vốn điều lệ cũng như đang tích cực thực hiện một loạt các giải pháp tổng thể liên quan đến việc tái cấu trúc nguồn vốn của Công ty. Theo đó Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

3. Thành viên Hội đồng quản trị và giám đốc

Hội đồng quản trị và điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Chí Trung	Chủ tịch	26 tháng 10 năm 2012	-
Ông Trịnh Xuân Hùng	Phó Chủ tịch	26 tháng 10 năm 2012	-
Ông Trần Mạnh Dũng	Ủy viên	18 tháng 4 năm 2010	-
Ông Đỗ Mạnh Quân	Ủy viên	24 tháng 10 năm 2012	-
Ông Trần Đạo Đức	Ủy viên	01 tháng 10 năm 2012	-

Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Bích Tư	Thành viên	tháng 3 năm 2011	-

4. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 35).

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

7. Xác nhận của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Giám đốc Công ty được yêu cầu:

0-007
Y TNHH
T NAM
ÁNH
PHỐ
MINH
Ồ CHÍ

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

8. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2016



Phan Chí Trung
Giám đốc



Số: 09/2016/BCKT/PKF-HCM

Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí Sài Gòn*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và xây lắp Dầu Khí Sài Gòn được lập ngày 16 tháng 02 năm 2016, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày từ trang 07 đến trang 35 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc tự xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến trái ngược

Chúng tôi đã không thể giám sát kiểm kê thực tế hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số lượng hàng tồn kho tại thời điểm trên.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi vẫn chưa thu thập được bằng chứng cho các khoản mục sau:

Các khoản mục	Số dư cuối năm	Thuyết minh
Phải thu khách hàng	45.926.080.999	V.2
Trả trước người bán	22.299.603.800	V.3
Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	76.950.120.956	V.4
Các khoản phải thu khác	56.435.084.772	V.5
Phải trả người bán	158.186.682.618	V.15
Người mua trả tiền trước	52.896.194.410	V.16
Các khoản phải trả phải nộp khác	22.675.870.514	V.18

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa ghi nhận khoản tiền lãi phát sinh chậm trả tiền hàng cho khoản nợ của các nhà cung cấp với tổng số tiền là 14.112.973.734 VND theo biên bản xác nhận công nợ giữa các bên.

Ngoài ra, Công ty chưa xem xét lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu khách hàng quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi phí dở dang của các công trình đã dừng thi công là 281.537.445.877 VND. Các công trình này đang chờ quyết toán và chúng tôi cũng chưa thu thập đầy đủ bằng chứng cho tỷ lệ dở dang của các công trình tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015.

Do tình hình hoạt động của Công ty tiếp tục bị lỗ 32.444.618.609 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 672.534.280.914 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 369.348.779.339 VND. Trong đó, một số hợp đồng vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán và chúng tôi chưa thu thập các thỏa thuận cho phép gia hạn các khoản vay nói trên. Các khoản phải trả nhà cung cấp đã có quyết định thi hành án và chúng tôi cũng chưa thu thập được các bằng chứng liên quan đến việc gia hạn các khoản nợ. Những sự kiện này cho thấy có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và do đó Công ty có thể không có khả năng thực hiện giá trị tài sản hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả trong điều kiện hoạt động bình thường. Báo cáo tài chính vẫn được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán trái ngược của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, do tầm quan trọng của các vấn đề nêu ở “cơ sở của ý kiến trái ngược”, Báo cáo tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, không phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH PKF Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh



Handwritten signature of Phạm Thị Anh Khoa

Trương Quang Trung - Giám đốc

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1752-2015-242-1

Phạm Thị Anh Khoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1521-2015-242-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		470.083.769.459	490.517.283.909
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	626.009.920	847.465.213
1.	Tiền	111		626.009.920	335.161.083
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	512.304.130
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		173.524.264.065	189.398.684.299
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	48.849.594.164	40.225.696.231
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	22.299.603.800	22.367.610.345
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.4	76.950.120.956	80.546.127.592
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	56.464.084.772	46.259.250.131
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(31.039.139.627)	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		292.431.681.714	296.769.320.637
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	292.431.681.714	296.769.320.637
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.501.813.760	3.501.813.760
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14	332.545.373	332.545.373
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8	3.169.268.387	3.169.268.387
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		133.211.238.906	327.338.153.932
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.584.000.000	4.584.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		4.584.000.000	4.584.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.232.825.267	17.903.778.261
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3.690.332.839	8.042.632.103
<i>Nguyên giá</i>	222		31.619.019.369	31.164.473.914
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(27.928.686.530)	(23.121.841.811)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.542.492.428	9.861.146.158
<i>Nguyên giá</i>	228		23.896.770.800	23.896.770.800
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(18.354.278.372)	(14.035.624.642)
III. Bất động sản đầu tư	230		23.108.361.581	26.973.223.253
<i>Nguyên giá</i>	231	V.11	45.997.944.600	45.997.944.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(22.889.583.019)	(19.024.721.347)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		468.906.022	468.906.022
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		468.906.022	468.906.022
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		87.935.300.496	262.399.149.661
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	30.701.119.282	190.746.149.661
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công ty khác	253	V.13	71.653.000.000	71.653.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	V.12	(14.418.818.786)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.881.845.540	15.009.096.735
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	7.881.845.540	15.009.096.735
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VII. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		603.295.008.365	817.855.437.841

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		922.052.403.317	1.104.168.214.184
I. Nợ ngắn hạn		310		839.432.548.798	1.022.197.980.976
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	200.894.061.164	200.957.320.690
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	52.896.194.410	52.973.498.422
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	1.451.990.128	1.307.412.878
4.	Phải trả người lao động	314		620.920.922	987.268.398
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.579.034.565	4.222.458.245
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	465.052.390.544	508.836.839.909
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	114.481.762.947	252.456.988.316
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		456.194.118	456.194.118
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		82.619.854.519	81.970.233.208
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	22.318.369.878	24.880.326.243
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.18	4.767.589.320	4.206.064.615
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	55.533.895.321	52.883.842.350
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(318.757.394.952)	(286.312.776.343)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(318.757.394.952)	(286.312.776.343)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	350.000.000.000	350.000.000.000
1a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
1b. Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.776.885.962	3.776.885.962
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	(672.534.280.914)	(640.089.662.305)
11a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(640.089.662.305)	(553.906.391.901)
11b. LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(32.444.618.609)	(86.183.270.404)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		603.295.008.365	817.855.437.841

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2016



Võ Phạm Như Nguyệt
Kế toán trưởng



Phạm Chí Trung
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	33.136.011.067	26.402.421.603
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		33.136.011.067	26.402.421.603
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	39.805.965.299	27.289.392.902
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(6.669.954.232)	(886.971.299)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		40.708.916	6.314.710
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	(26.531.313.290)	55.164.977.555
Trong đó: chi phí lãi vay	23		58.398.778.547	55.164.977.555
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	47.427.645.597	14.566.014.766
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(27.525.577.623)	(70.611.648.910)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	6.651.392.053	1.452.281.221
12. Chi phí khác	32	VI.6	11.570.433.039	17.023.902.715
13. Lợi nhuận khác	40		(4.919.040.986)	(15.571.621.494)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(32.444.618.609)	(86.183.270.404)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(32.444.618.609)</u>	<u>(86.183.270.404)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>(927)</u>	<u>(2.462)</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2016



Võ Phạm Như Nguyệt
Kế toán trưởng



Phan Chí Trung
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>		<i>(32.444.618.609)</i>	<i>(86.183.270.404)</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		12.990.360.121	13.212.904.835
- Các khoản dự phòng	03		45.457.958.413	(2.609.807.530)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	17.451.493.936	(835.145.535)
- Chi phí lãi vay	06	VI.3	58.398.778.547	67.045.385.980
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>		<i>101.853.972.408</i>	<i>(9.369.932.654)</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.760.726.029)	3.544.707.092
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.337.638.923	(2.591.499.012)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(44.228.682.104)	4.968.142.392
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7.127.251.195	6.114.442.193
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(58.398.778.547)	(1.596.563.153)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		521.746.141	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(7.547.578.013)</i>	<i>1.069.296.858</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(454.545.455)	(106.347.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		920.410.000	1.273.668.203
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		142.185.430.573	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>142.651.295.118</i>	<i>1.167.321.203</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		10.248.454.221	-	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(145.573.626.619)	(2.695.168.205)		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(135.325.172.398)	(2.695.168.205)		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(221.455.293)	(458.550.144)		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	847.465.213	1.306.015.357		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	626.009.920	847.465.213		

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2016



Võ Phạm Như Nguyệt
Kế toán trưởng



Phan Chí Trung
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu Khí Sài Gòn là Công ty cổ phần được đổi tên từ Công ty cổ phần Xây lắp Dầu Khí Miền Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305858385 ngày 28 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy phép điều chỉnh, trong đó điều chỉnh thay đổi gần nhất lần thứ 06 ngày 14 tháng 01 năm 2010.

Vốn điều lệ 350.000.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 39 301 980

Fax : (84-8) 39 301 982

E-mail : info@pvcsg.com.vn

Mã số thuế : **0 3 0 5 8 5 8 3 8 5**

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); Khảo sát trắc địa công trình; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán); Hoạt động trang trí nội thất; Hoạt động đo đạc bản đồ; Tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Hoạt động chuyên môn, khoa học, công nghệ khác; Tư vấn về môi trường;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính. Do ảnh hưởng thay đổi của việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng theo Thông tư 200 so với quy định trước đây nên các thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính năm nay cũng đã được trình bày lại cho phù hợp với số liệu tương ứng của Thông tư 200.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 -50
Máy móc và thiết bị	06 -20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian hữu dụng của chi phí. Thời gian phân bổ được xác định theo tính chất chi phí.

Chi phí chênh lệch tỷ giá trước hoạt động được phân bổ trong thời gian 5 năm.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

10. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng năm.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính không phải sinh có giá trị thanh toán cụ thể hoặc có thể xác định được và có ngày đáo hạn cụ thể mà công ty có ý định chắc chắn và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính không phải sinh được xác định là có sẵn để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP ĐÀU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	309.402.199	59.037.537
Tiền gửi ngân hàng	316.607.721	276.123.546
Các khoản tương đương tiền	-	512.304.130
Cộng	<u>626.009.920</u>	<u>847.465.213</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>48.849.594.164</i>	<i>40.225.696.231</i>
Công ty cổ phần xây dựng Sông Hồng	16.091.712.349	5.334.541.901
Công ty cổ Phần Đầu Tư Dầu Khí Mỹ Phú	11.050.625.903	10.969.860.903
Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng TW	7.136.742.133	7.136.742.133
Công ty cổ phần TM Hàng Da	4.006.475.728	4.006.475.728
Ban QLDA Xây dựng Cung Hữu Nghị Việt Trung	1.807.658.600	1.807.658.600
Công ty cổ phần Đầu Tư Dầu Khí Nha Trang	1.305.961.700	1.305.961.700
Công ty cổ Phần Thiết Bị Nội Ngoại Thất Dầu Khí	1.019.658.962	1.019.658.962
Các khách hàng khác	6.430.758.789	8.644.796.304
Cộng	<u>48.849.594.164</u>	<u>40.225.696.231</u>

Trong đó, công nợ với các bên liên quan:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	1.305.961.700	1.305.961.700
Công ty cổ phần Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	1.019.658.962	1.019.658.962
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại Dầu khí IDICO	-	190.740.639
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	707.651.147

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>22.299.603.800</i>	<i>22.367.610.345</i>
Công ty cổ Phần Thiết Bị Nội Ngoại Thất Dầu Khí	9.983.266.306	9.983.266.306
Trung Tâm Phát Triển Quỹ Đất Thành Phố Vị Thanh	4.079.692.538	4.079.692.538
Công ty cổ phần Tư Vấn Kiến Trúc, Kỹ Thuật Hạ Tầng Và Môi Trường Đô Thị A.R.T.E.C (ARTEC)	1.451.955.415	1.451.955.415
Các nhà cung cấp khác	6.784.689.541	6.852.696.086
Cộng	<u>22.299.603.800</u>	<u>22.367.610.345</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong đó, công nợ với các bên liên quan:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	9.983.266.306	9.983.266.306
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và đô thị Dầu khí	378.000.000	378.000.000

4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công trình chung cư cao cấp Phú Mỹ quận 7	53.194.545.454	53.194.545.454
Công trình PV Power Landmark An Phú quận 2	12.151.324.088	12.151.324.088
Công trình Ngô Gia Tự	5.545.454.545	5.545.454.545
Công trình 49 Lĩnh Nam	3.567.272.727	3.567.272.727
Các công trình khác	2.491.524.142	6.087.530.778
Cộng	<u>76.950.120.956</u>	<u>80.546.127.592</u>

5. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu ngắn hạn khác	<u>56.464.084.772</u>	<u>46.259.250.131</u>
Tạm ứng	19.110.014.467	35.305.696.364
Ký quỹ ngắn hạn	29.000.000	183.440.000
Phải thu khác	37.325.070.305	10.770.113.767
Phải thu dài hạn khác	<u>4.584.000.000</u>	<u>4.584.000.000</u>
Ký quỹ dài hạn	4.584.000.000	4.584.000.000
Cộng	<u>61.048.084.772</u>	<u>50.843.250.131</u>

Trong đó, công nợ với các bên liên quan:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	93.192.000	93.192.000

6. Nợ xấu

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Công ty cổ Phần Đầu Tư Dầu Khí Mỹ Phú	Trên 3 năm	11.050.625.903	-	Trên 3 năm	11.050.625.903	11.050.625.903
Phải thu theo tiến độ hợp đồng - Công trình chung cư cao cấp Phú Mỹ quận 7	Trên 3 năm	53.194.545.454	33.206.031.730	Trên 3 năm	53.194.545.454	53.194.545.454
Cộng		<u>64.245.171.357</u>	<u>33.206.031.730</u>		<u>64.245.171.357</u>	<u>64.245.171.357</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	111.246.116	-	111.246.116	-
Công cụ, dụng cụ	733.191.247	-	733.191.247	-
Chi phí SXKD dở dang ⁽¹⁾	281.537.445.877	-	285.875.084.800	-
Hàng hóa bất động sản	10.049.798.474	-	10.049.798.474	-
Cộng	292.431.681.714	-	296.769.320.637	-

Chi tiết các công trình xây dựng dở dang:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Khu đô thị Hậu Giang ⁽¹⁾	183.283.997.784	169.971.814.025
Dự án Chung cư cao cấp Phú Mỹ Quận 7 TP.HCM	40.842.338.417	40.842.338.417
Dự án PV Power Landmark An Phú Quận 2 TP.HCM	17.744.541.947	17.744.541.947
Các dự án khác	39.666.567.729	57.316.390.411
Cộng	281.537.445.877	285.875.084.800

⁽¹⁾ Các lô đất thuộc dự án trên đã bị phong tỏa theo quyết định của tòa án để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (Xem thuyết minh V.19).

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.729.527.273	24.457.076.633	3.929.843.904	659.990.153	388.035.951	31.164.473.914
Tăng trong năm	-	-	454.545.455	-	-	454.545.455
Số cuối năm	1.729.527.273	24.457.076.633	4.384.389.359	659.990.153	388.035.951	31.619.019.369
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.729.527.273	17.297.733.757	3.145.705.653	560.839.177	388.035.951	23.121.841.811
Khấu hao trong năm	-	3.948.809.255	806.489.140	51.546.324	-	4.806.844.719
Số cuối năm	1.729.527.273	21.246.543.012	3.952.194.793	612.385.501	388.035.951	27.928.686.530
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	-	7.159.342.876	784.138.251	99.150.976	-	8.042.632.103
Số cuối năm	-	3.210.533.621	432.194.566	47.604.652	-	3.690.332.839

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	23.896.770.800	14.035.624.642	9.861.146.158
Khấu hao trong năm	-	4.318.653.730	-4.318.653.730
Cộng	23.896.770.800	18.354.278.372	5.542.492.428

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Là giá trị công trình tòa nhà tại 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	45.997.944.600	19.024.721.347	26.973.223.253
Khấu hao trong năm	-	3.864.861.672	(3.864.861.672)
Cộng	45.997.944.600	22.889.583.019	23.108.361.581

Công trình tòa nhà trên đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (Xem thuyết minh V.19).

12. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần						
Đầu tư Hải Đăng ⁽¹⁾	30.701.119.282	14.418.818.786	16.282.300.496	190.746.149.661	-	190.746.149.661
Cộng	30.701.119.282	14.418.818.786	16.282.300.496	190.746.149.661	-	190.746.149.661

⁽¹⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200717899 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 12 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư Hải Đăng tương đương 73,78% vốn điều lệ.

Tình hình tăng giảm khoản đầu tư công ty con:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	190.746.149.661	190.746.149.661
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	(160.045.030.379)	-
Cộng	30.701.119.282	190.746.149.661

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác				
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang</i>	3.035.000	30.350.000.000	3.035.000	30.350.000.000
<i>Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí</i>	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
<i>Dự án chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại CT10-11 Văn Phú</i>	-	34.303.000.000	-	34.303.000.000
Cộng		71.653.000.000		71.653.000.000

14. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	332.545.373	332.545.373
Công cụ dụng cụ	332.545.373	332.545.373
Chi phí trả trước dài hạn	7.881.845.540	15.009.096.735
Công cụ dụng cụ	7.881.845.540	15.009.096.735
Cộng	8.214.390.913	15.341.642.108

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Phải trả cho người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	200.894.061.164	200.894.061.164	200.957.320.690	200.957.320.690
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí	27.300.469.925	27.300.469.925	27.300.469.925	27.300.469.925
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	18.049.275.368	18.049.275.368	18.049.275.368	18.049.275.368
Công Ty Cổ phần Xây dựng và kinh doanh vật tư	11.920.033.539	11.920.033.539	11.920.033.539	11.920.033.539
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Công Nghệ Mới	7.465.135.126	7.465.135.126	7.465.135.126	7.465.135.126
Phải trả người bán khác	136.159.147.206	136.159.147.206	136.222.406.732	136.222.406.732
Cộng	200.894.061.164	200.894.061.164	200.957.320.690	200.957.320.690

16. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	52.896.194.410	52.973.498.422
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Xây Lắp Dầu Khí Việt Nam	32.708.628.685	33.627.458.583
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí (*)	9.377.451.536	9.377.451.536
Công ty Cổ phần PVI	4.587.850.523	4.587.850.523
Các khách hàng khác	6.222.263.666	5.380.737.780
Cộng	52.896.194.410	52.973.498.422

(*) Công nợ các bên liên quan.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	649.937.635	3.156.187.992	(2.581.722.521)	1.224.403.106
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(3.169.268.387)	-	-	(3.169.268.387)
Thuế thu nhập cá nhân	228.675.807	-	(42.534.302)	186.141.505
Các loại thuế khác	428.799.436	541.270.321	(928.624.240)	41.445.517
+ Thuế nhà đất	428.799.436	538.270.321	(925.624.240)	41.445.517
+ Thuế môn bài		3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	(1.861.855.509)	3.697.458.313	(3.552.881.063)	(1.717.278.259)

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp đơn vị nộp thừa

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng: 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(32.444.618.609)	(86.183.270.404)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(32.444.618.609)	(86.183.270.404)
Trong đó		
Thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh	(32.444.618.609)	(86.183.270.404)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	20%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	465.052.390.544	508.836.839.909
Kinh phí công đoàn	840.550.732	838.709.684
Các khoản bảo hiểm trích theo lương	1.881.283	-
Lãi vay phải trả	189.172.358.447	252.957.146.846
Lãi trả chậm	18.722.980.104	17.231.303.374
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - tiền chuyển nhượng dự án ⁽¹⁾	223.074.622.195	221.556.865.576
Phải trả phải nộp khác	33.239.997.783	16.252.814.429
Dài hạn	4.767.589.320	4.206.064.615
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.767.589.320	4.206.064.615
Cộng	469.819.979.864	513.042.904.524

⁽¹⁾ Công nợ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN
Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	114.481.762.947	114.481.762.947	252.456.988.316	247.934.654.007
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN số 08	-	-	127.726.771.148	127.726.771.148
Ngân hàng TMCP Đại Dương ⁽ⁱ⁾	99.912.312.503	99.912.312.503	105.638.432.415	105.638.432.415
Ngân hàng phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	14.569.450.444	14.569.450.444	14.569.450.444	14.569.450.444
Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam	-	-	4.522.334.309	-
Vay dài hạn	55.533.895.321	55.533.895.321	52.883.842.350	52.883.842.350
Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	7.423.933.059	7.423.933.059	10.500.000.000	10.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương ^(iv)	48.109.962.262	48.109.962.262	42.383.842.350	42.383.842.350
Cộng	170.015.658.268	170.015.658.268	305.340.830.666	300.818.496.357

(i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 0091/2011/HĐTD1-OCEANBANK03 ngày 12/10/2011; phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Khoản vay được đảm bảo thư bảo lãnh của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Số nợ gốc quá hạn: 99.912.312.503 đồng.

(ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 148/10 ngày 30/08/2010 với hạn mức tín dụng 100 tỷ đồng; Bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng nguồn thu từ hợp đồng số 02/HĐKT/2010/PVPLS-PVC ngày 12/04/2010 và các phụ lục đính kèm giữa Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp dầu khí Sài Gòn. Số nợ gốc quá hạn: 14.569.450.444 đồng.

Theo Quyết định số 222/QĐ-CCTHA của Chi cục Thi hành án dân sự quận 3 buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh số tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 148/10/HĐTDHM/NH ngày 30/08/2010 và phụ lục hợp đồng số 01/PL-HĐTD ngày 21/04/2011 gồm số nợ gốc là 14.569.450.444 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 31/12/2015 là 12.405.295.772 đồng, tổng cộng là 26.974.746.216 đồng.

Lãi được tiếp tục tính trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày 29/06/2013 theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong từng khế ước đã ký kết cho đến khi trả xong nợ gốc.

Nếu đến hạn Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ trên thì Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh toàn bộ số tiền tương ứng do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn còn nợ chưa thanh toán.

(iii) Khoản vay thuộc hợp đồng tín dụng số 0405/HMTD2-VIB625/10 ngày 22/04/2010; Thời hạn cho vay 60 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 3 tháng một lần; Mục đích tài trợ một phần dự án đầu tư mua quyền sử dụng tòa nhà 11 Bis Nguyễn Gia Thiều. Tài sản thế chấp là tòa nhà tại 11 Bis Nguyễn Gia Thiều.

(iv) Khoản vay thuộc hợp đồng tín dụng số 0063/2010/HDDTD1-OCEANBANK03 ngày 04/10/2010; Thời hạn cho vay 48 tháng; Lãi suất lần giải ngân đầu 15% và điều chỉnh 03 tháng 1 lần; Mục

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đích vay: đầu tư mua máy móc thiết bị. Tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc thiết bị được hình thành từ vốn vay. Số dư cuối năm gồm cả khoản vay được chuyển từ PVFC sang theo Hợp đồng mua, bán khoản nợ số 11/2012-HĐMBN-TCĐK-CNHCM.QLTD ngày 30/08/2012.

Hợp đồng tín dụng số 18/2009/HDTD-TCĐK-CNHCM.TD ngày 17/10/2009; lãi suất lần giải ngân đầu 15% và điều chỉnh 03 tháng 1 lần; mục đích vay: Mua lại khoản nợ từ Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí; Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành trong tương lai (giai đoạn 1) của Dự án Đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3 Phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của bên vay, Chứng thư bảo lãnh thanh toán của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam cho bên vay.

Tình hình biến động các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	252.456.988.316	255.152.156.521
Tiền vay đã trả trong năm	(137.975.225.369)	(2.695.168.205)
Số cuối năm	<u>114.481.762.947</u>	<u>252.456.988.316</u>

Tình hình biến động các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	52.883.842.350	52.883.842.350
Chuyển vay dài hạn đến hạn trả về vay dài hạn	10.248.454.221	-
Tiền vay đã trả trong năm	(7.598.401.250)	-
Số cuối năm	<u>55.533.895.321</u>	<u>52.883.842.350</u>

20. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền trả trước về cho thuê văn phòng	12.836.032.517	15.397.988.882
Tiền trả trước bán bất động sản	8.982.337.361	8.982.337.361
Doanh thu chưa thực hiện tại chi nhánh Hà Nội	500.000.000	500.000.000
Cộng	<u>22.318.369.878</u>	<u>24.880.326.243</u>

21. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	350.000.000.000	1.793.099.617	1.983.786.345	(553.906.391.901)	(200.129.505.939)
Lãi năm trước	-	-	-	(86.183.270.404)	(86.183.270.404)
Số cuối năm trước	<u>350.000.000.000</u>	<u>1.793.099.617</u>	<u>1.983.786.345</u>	<u>(640.089.662.305)</u>	<u>(286.312.776.343)</u>
Số dư đầu năm nay	350.000.000.000	1.793.099.617	1.983.786.345	(640.089.662.305)	(286.312.776.343)
Lãi năm nay	-	-	-	(32.444.618.609)	(32.444.618.609)
Số cuối năm nay	<u>350.000.000.000</u>	<u>1.793.099.617</u>	<u>1.983.786.345</u>	<u>(672.534.280.914)</u>	<u>(318.757.394.952)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2015 như sau:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam	87.125.000.000	24,89%
Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí - IDICO Long Sơn	28.500.000.000	8,14%
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	2.971.000.000	0,85%
Các cổ đông khác	231.404.000.000	66,12%
Cộng	350.000.000.000	100,00%

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hoả hoạn...

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động xây lắp	9.649.344.511	3.025.448.582
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	253.747.465
Doanh thu cho thuê nhà	16.982.266.756	16.887.221.552
Doanh thu khác	6.504.399.800	6.236.004.004
Doanh thu thuần	33.136.011.067	26.402.421.603

Trong đó, doanh thu các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.513.904.013	543.335.621

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động xây lắp	18.911.113.550	11.380.606.618
Giá vốn hoạt động bất động sản	-	253.747.465
Giá vốn dịch vụ cho thuê nhà	15.094.885.685	12.063.255.882
Giá vốn khác	5.799.966.064	6.201.590.467
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	(2.609.807.530)
Cộng	39.805.965.299	27.289.392.902

3. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	58.398.778.547	55.164.977.555
Lãi vay được giảm (*)	(117.720.814.559)	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	32.790.722.722	-
Cộng	(26.531.313.290)	55.164.977.555

(*) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam miễn toàn bộ số lãi vay phát sinh đến ngày 09/12/2015 là 117.720.814.559 VND theo thông báo số 220/CV-CN8/2015 ngày 01/04/2015, thông báo số 469/CV-CN8/2015 ngày 18/8/2015, thông báo số 011/CV-CN8-PTH ngày 11/11/2015).

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.909.276.783	2.078.122.946
Chi phí nguyên vật liệu	7.742.503.351	5.272.441.839
Chi phí khấu hao	5.697.591.034	6.073.347.200
Thuế, phí và lệ phí	241.916.216	-
Chi phí dự phòng	31.039.139.627	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	199.871.607	463.978.776
Chi phí bằng tiền khác	597.346.979	678.124.005
Cộng	47.427.645.597	14.566.014.766

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	438.522.668
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	920.410.000	835.145.535
Cần trừ nợ gốc với lãi vay ngân hàng VIB	5.386.410.043	-
Thu nhập khác	344.572.010	178.613.018
Cộng	6.651.392.053	1.452.281.221

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	438.522.668
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	1.823.175	211.404.338
Lãi chậm trả ngân hàng	5.597.292.197	11.880.408.425
Lãi chậm trả các nhà cung cấp	-	3.901.076.728
Phạt nộp chậm tiến độ công trình Vân Phong	5.971.252.038	-
Chi phí khác	65.629	592.490.556
Cộng	11.570.433.039	17.023.902.715

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(32.444.618.609)	(86.183.270.404)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(32.444.618.609)	(86.183.270.404)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	35.000.000	35.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(927)	(2.462)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	35.000.000	35.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông biến động	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	35.000.000	35.000.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí - IDICO Long Sơn	Cổ đông sáng lập
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Cổ đông sáng lập
Công ty cổ phần Đầu tư Hải Đăng	Công ty con
Công ty cổ phần Dầu khí Nha Trang	Công ty nhận vốn góp
Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	Công ty nhận vốn góp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	1.513.904.013	543.335.621
Chuyển công nợ tạm ứng xây lắp		-
Lãi vay phát sinh	1.913.945.381	(19.456.948.483)
Nhận cung cấp dịch vụ	147.855.050	149.159.309
Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí		
Cung cấp dịch vụ	-	183.887.274
Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí - IDICO Long Sơn		
Cung cấp dịch vụ	-	192.300.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam		
Phải thu cung cấp dịch vụ	-	707.651.147
Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí - IDICO Long Sơn		
Phải thu cung cấp dịch vụ	-	190.740.639
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí		
Phải thu tiền ứng trước công trình xây lắp	378.000.000	378.000.000
Công ty cổ phần Dầu khí Nha Trang		
Phải thu cung cấp dịch vụ	1.305.961.700	1.305.961.700
Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí		
Phải thu cung cấp dịch vụ	1.019.658.962	1.019.658.962
Phải thu tiền ứng trước dịch vụ xây lắp	9.983.266.306	9.983.266.306
Phải thu chi phí dịch vụ	93.192.000	93.192.000
Cộng nợ phải thu	<u>12.780.078.968</u>	<u>13.678.470.754</u>
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam		
Phải trả tiền chuyển nhượng dự án	221.160.676.814	221.556.865.576
Phải trả nhận cung cấp xây lắp	-	1.019.209.025
Phải trả lãi vay	1.913.945.381	-
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí		
Phải trả tiền ứng trước công trình xây lắp	9.377.451.536	9.377.451.536
Cộng nợ phải trả	<u>232.452.073.731</u>	<u>231.953.526.137</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty tiếp tục bị lỗ 32.444.618.609 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 672.534.280.914 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 369.348.779.339 VND. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty rất lớn.

Tuy nhiên, Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng khả năng thanh toán sẽ được cải thiện do Giám đốc đang dự kiến trình Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông về việc tăng vốn điều lệ cũng như đang tích cực thực hiện một loạt các giải pháp tổng thể liên quan đến việc tái cấu trúc nguồn vốn của Công ty. Theo đó Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	626.009.920	847.465.213	626.009.920	847.465.213
Phải thu khách hàng	48.849.594.164	40.225.696.231	17.906.787.526	40.225.696.231
Đầu tư tài chính ngắn/dài hạn	102.354.119.282	262.399.149.661	87.935.300.496	262.399.149.661
Các khoản phải thu khác	56.464.084.772	46.259.250.131	56.464.084.772	46.259.250.131
Cộng	208.293.808.138	349.731.561.236	182.824.363.449	349.731.561.236
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	200.894.061.164	200.957.320.690	200.894.061.164	200.957.320.690
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.451.990.128	1.307.412.878	1.451.990.128	1.307.412.878
Phải trả người lao động	634.946.297	987.268.398	634.946.297	987.268.398
Phải trả khác	465.052.390.544	508.836.839.909	465.052.390.544	508.836.839.909
Chi phí phải trả	3.579.034.565	4.222.458.245	3.579.034.565	4.222.458.245
Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn	170.015.658.268	305.340.830.666	170.015.658.268	305.340.830.666
Cộng	841.628.080.966	1.021.652.130.786	841.628.080.966	1.021.652.130.786

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Đơn vị tính: VND

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	626.009.920	-	626.009.920
Phải thu khách hàng	17.906.787.526	30.942.806.638	48.849.594.164
Đầu tư tài chính ngắn/dài hạn	87.935.300.496	14.418.818.786	102.354.119.282
Các khoản phải thu khác	20.307.418.959	36.156.665.813	56.464.084.772
Cộng	126.775.516.901	81.518.291.237	208.293.808.138
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	847.465.213	-	847.465.213
Phải thu khách hàng	20.333.515.496	19.892.180.735	40.225.696.231
Đầu tư tài chính ngắn/dài hạn	262.399.149.661	-	262.399.149.661
Các khoản phải thu khác	36.865.357.209	9.393.892.922	46.259.250.131
Cộng	320.445.487.579	29.286.073.657	349.731.561.236

5. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh toán. Rủi ro thanh toán của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh toán thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Chủ tịch Hội đồng quản trị cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Phải trả cho người bán	200.894.061.164	-	200.894.061.164
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.451.990.128	-	1.451.990.128
Phải trả người lao động	634.946.297	-	634.946.297
Phải trả khác	465.052.390.544	-	465.052.390.544
Chi phí phải trả	3.579.034.565	-	3.579.034.565
Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn	114.481.762.947	55.533.895.321	170.015.658.268
Cộng	<u>786.094.185.645</u>	<u>55.533.895.321</u>	<u>841.628.080.966</u>
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	200.957.320.690	-	200.957.320.690
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.307.412.878	-	1.307.412.878
Phải trả người lao động	987.268.398	-	987.268.398
Phải trả khác	508.836.839.909	-	508.836.839.909
Chi phí phải trả	4.222.458.245	-	4.222.458.245
Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn	252.456.988.316	52.883.842.350	305.340.830.666
Cộng	<u>968.768.288.436</u>	<u>52.883.842.350</u>	<u>1.021.652.130.786</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Thay đổi chính sách kế toán

Ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 ảnh hưởng đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn khác	136	46.075.810.131	46.259.250.131	(183.440.000)
Tài sản ngắn hạn khác	155	183.440.000	-	183.440.000
Phải thu dài hạn khác	216	-	4.584.000.000	(4.584.000.000)
Tài sản dài hạn khác	268	4.584.000.000	-	4.584.000.000

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2016

Võ Phạm Như Nguyệt
Kế toán trưởng



Phan Chí Trung
Giám đốc